

Số: 13 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 6 năm 2015

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI	
Số:	
ĐẾN	Ngày: 11-6-2016
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung tên và mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 và Quyết định số 79/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh được Quốc hội thông qua ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Giá được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1293/TTr-SYT ngày 21/4/2015 về việc sửa đổi, bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 và Quyết định số 79/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tên 74 dịch vụ tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 79/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Đồng Nai về việc quy định bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Bổ sung những loại vật tư có giá trị lớn nhưng chưa được tính trong cơ cấu giá dịch vụ vào nội dung phần ghi chú trong tên của 74 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã ban hành mức giá, cụ thể:

a) 69 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (Phụ lục I kèm theo).

b) 05 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 79/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (Phụ lục II kèm theo).

2. Việc bổ sung nội dung ghi chú trong tên dịch vụ không làm thay đổi mức giá dịch vụ đã ban hành. Trường hợp người bệnh có nhu cầu sử dụng các loại vật tư bổ sung thì cơ sở y tế của Nhà nước được phép thu thêm tiền.

Đối với bệnh nhân có thể bảo hiểm y tế: Cơ quan Bảo hiểm Xã hội có trách nhiệm thanh toán chi phí đối với các loại vật tư bổ sung trên cho bệnh viện nếu bệnh viện đã sử dụng các vật tư cho bệnh nhân theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước.

Điều 2. Bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 và Quyết định số 79/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, gồm 30 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh sau:

1. 21 loại phẫu thuật, thủ thuật quy định tại Mục C4 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC.

2. 09 loại kỹ thuật khác, gồm những kỹ thuật mới và chưa ban hành khung giá tại Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

Điều 3. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, các nội dung khác tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 79/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban

nhân dân tỉnh về việc quy định bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị thi hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu VT, KT, VX.

@ĐiềnKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc



Phụ lục I

PHỤ LỤC I BỔ SUNG TÊN 69 DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG QUYẾT ĐỊNH SỐ 42/2012/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 13 /2015/QĐ-UBND ngày 4 /6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	STT trong QĐ 42	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 42/2012/QĐ-UBND	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được sửa đổi, bổ sung	Phân loại phẫu thuật, thủ thuật
-----	-----------------	--	---	---------------------------------

CÁC DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG QUYẾT ĐỊNH 42/2012/QĐ-UBND (tại Phụ lục II)

I. Phẫu thuật loại 1

1	26	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy 2 xương cẳng tay (chưa tính nẹp, vít)	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy 2 xương cẳng tay (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
2	35	Phẫu thuật xương cánh tay	Phẫu thuật xương cánh tay (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít)	Loại 1
3	43	Phẫu thuật ghép da phức tạp	Phẫu thuật ghép da phức tạp (chưa bao gồm dao bào da)	Loại 1
4	48	Phẫu thuật vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Phẫu thuật vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, cố định ngoài)	Loại 1
5	51	Phẫu thuật gãy xương đòn (chưa bao gồm vít, chỉ thép)	Phẫu thuật gãy xương đòn (chưa bao gồm đinh, vít, chỉ thép)	Loại 1
6	53	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị gãy trật củ Monteggia theo phương pháp Bouyala	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị gãy trật củ Monteggia theo phương pháp Bouyala (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
7	54	Phẫu thuật xoay chuyển vạt da sural	Phẫu thuật xoay chuyển vạt da sural (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, cố định ngoài)	Loại 1
8	68	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi (chưa bao gồm cố định liên mấu viển)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi (chưa bao gồm cố định liên mấu viển, đinh, xương, nẹp, vít)	Loại 1

T	STT trong QĐ 42	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 42/2012/QĐ-UBND	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được sửa đổi, bổ sung	Phân loại phẫu thuật, thủ thuật
	71	Phẫu thuật cắt sẹo co rút tạo hình	Phẫu thuật cắt sẹo co rút tạo hình (chưa bao gồm 2 khung sắt, đinh steimann cố định ngoài)	Loại 1
	82	Phẫu thuật cứng duỗi khớp gối đơn thuần	Phẫu thuật cứng duỗi khớp gối đơn thuần (chưa bao gồm dao bào khớp)	Loại 1
	100	Phẫu thuật kết hợp xương gãy than xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy than xương đùi (chưa bao gồm đinh, xương, nẹp, vít, 2 khung sắt, đinh steimann cố định ngoài)	Loại 1
	150	Phẫu thuật hội chứng Volkmann cơ cơ gấp có kết hợp xương	Phẫu thuật hội chứng Volkmann cơ cơ gấp có kết hợp xương (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	156	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu cánh tay (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	158	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	Phẫu thuật trật khớp khuỷu (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	161	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu xương đùi (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	162	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày và đầu trên xương chày	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày và đầu trên xương chày (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	163	Phẫu thuật điều trị cal lệch có kết hợp xương	Phẫu thuật điều trị cal lệch có kết hợp xương (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	167	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	170	Phẫu thuật kết hợp xương mắt cá trong hoặc ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương mắt cá trong hoặc ngoài (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	171	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 02 mắt cá hoặc Dupuytren (chưa bao gồm nẹp, vít)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 02 mắt cá hoặc Dupuytren (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
	176	Phẫu thuật cắt u nang tiêu xương, ghép xương	Phẫu thuật cắt u nang tiêu xương, ghép xương (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1

STT	STT trong QĐ 42	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 42/2012/QĐ-UBND	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được sửa đổi, bổ sung	Phân loại phẫu thuật, thủ thuật
22	180	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
23	220	Phẫu thuật cắt lọc bỏng dưới 10% diện tích cơ thể	Phẫu thuật cắt lọc bỏng dưới 10% diện tích cơ thể (chưa bao gồm dao bào da)	Loại 1
24	222	Phẫu thuật ghép da đơn giản	Phẫu thuật ghép da đơn giản (chưa bao gồm dao bào da)	Loại 1
25	234	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy xương cẳng chân	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy xương cẳng chân (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
26	235	Phẫu thuật xương đốt bàn tay	Phẫu thuật xương đốt bàn tay (chưa bao gồm đinh xương)	Loại 1
27	247	Phẫu thuật vỡ xương bánh chè (chưa bao gồm nẹp, vít)	Phẫu thuật vỡ xương bánh chè (chưa bao gồm đinh, chỉ thép, nẹp vít)	Loại 1
28	248	Phẫu thuật xương quay	Phẫu thuật xương quay (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
29	259	Phẫu thuật cắt lõi xương (gây mê)	Phẫu thuật cắt lõi xương gây mê (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
30	268	Phẫu thuật vẹo khuỷu di chứng gãy đầu dưới xương cánh tay	Phẫu thuật vẹo khuỷu di chứng gãy đầu dưới xương cánh tay (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
31	274	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu (chưa bao gồm nẹp, vít)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít)	Loại 1
32	275	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương mác (chưa bao gồm nẹp, vít)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương mác (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít)	Loại 1
33	320	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
34	322	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu (chưa bao gồm 2 khung sắt, đinh steimann cố định ngoài)	Loại 1

STT	STT trong QĐ 42	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 42/2012/QĐ-UBND	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được sửa đổi, bổ sung	Phân loại phẫu thuật, thủ thuật
35	323	Phẫu thuật viêm xương đùi: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương đùi: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu (chưa bao gồm 2 khung sắt, đinh steimann cố định ngoài)	Loại 1
36	324	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: Đục mở lấy xương chết, dẫn lưu (chưa bao gồm 2 khung sắt, đinh steimann cố định ngoài)	Loại 1
37	327	Phẫu thuật làm cứng khớp tư thế chức năng	Phẫu thuật làm cứng khớp tư thế chức năng (chưa bao gồm đinh xương, nẹp, vít)	Loại 1
38	334	Phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 – 10% diện tích bỏng cơ thể	Phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 – 10% diện tích bỏng cơ thể (chưa bao gồm dao bào da)	Loại 1
39	335	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn tay, ngón tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn tay, ngón tay (chưa bao gồm đinh xương)	Loại 1
40	351	Phẫu thuật ghép da tự thân dưới 5% diện tích bỏng cơ thể	Phẫu thuật ghép da tự thân dưới 5% diện tích bỏng cơ thể (chưa bao gồm dao bào da)	Loại 1
41	39	Phẫu thuật cắt đại tràng	Phẫu thuật cắt đại tràng (chưa bao gồm máy cắt nối tự động, băng đạn, dao siêu âm)	Loại 1
42	131	Phẫu thuật cắt đoạn đại tràng ngắn, đại tràng Sigma	Phẫu thuật cắt đoạn đại tràng ngắn, đại tràng Sigma (chưa bao gồm máy cắt nối tự động, băng đạn, dao siêu âm)	Loại 1
43	130	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng (chưa bao gồm máy cắt nối tự động, băng đạn, dao siêu âm)	Loại 1
44	206	Phẫu thuật cắt phổi - thùy phổi (nội soi/ mổ hở)	Phẫu thuật cắt phổi-thùy phổi nội soi/ mổ hở (chưa bao gồm máy cắt nối tự động, băng đạn, dao siêu âm)	Loại 1
45	190	Phẫu thuật Miles	Phẫu thuật Miles (chưa bao gồm máy cắt nối tự động, băng đạn, dao siêu âm)	Loại I
46	16	Phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	Phẫu thuật lấy sỏi san hô thận (chưa có Guidewide)	Loại 1
47	17	Phẫu thuật lấy sỏi thận	Phẫu thuật lấy sỏi thận	Loại 1

STT	STT trong QĐ 42	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 42/2012/QĐ-UBND	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được sửa đổi, bổ sung	Phân loại phẫu thuật, thủ thuật
48	14	Phẫu thuật mở ổ bụng lấy sỏi	Phẫu thuật mở ổ bụng lấy sỏi (chưa có Guidewire)	Loại 1
49	144	Phẫu thuật nối niệu quản – đài thận	Phẫu thuật nối niệu quản – đài thận (chưa có Guidewire)	Loại 1
50	200	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận (chưa có Guidewire)	Loại 1
51	191	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận qua da	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận qua da (chưa có Guidewire)	Loại 1
52	215	Phẫu thuật tại hình niệu quản	Phẫu thuật tại hình niệu quản (chưa có Guidewire)	Loại 1
53	161	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu xương đùi (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
54	162	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày và đầu trên xương chày	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày và đầu trên xương chày (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
55	163	Phẫu thuật điều trị cal xương có kết hợp xương	Phẫu thuật điều trị cal xương có kết hợp xương (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
56	170	Phẫu thuật kết hợp xương mắc cá trong hoặc ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương mắc cá trong hoặc ngoài (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
57	180	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
58	156	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1
59	51	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn (chưa bao gồm vít, chỉ thép)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn (chưa bao gồm đinh, vít, chỉ thép)	Loại 1
60	150	Phẫu thuật hội chứng Volkmann cơ gấp có kết hợp xương	Phẫu thuật hội chứng Volkmann cơ gấp có kết hợp xương (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1

STT	STT trong QĐ 42	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 42/2012/QĐ-UBND	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được sửa đổi, bổ sung	Phân loại phẫu thuật, thủ thuật
61	167	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 1

II. Phẫu thuật loại 2

62	240	Phẫu thuật cắt trĩ búi (chưa bao gồm bông cầm máu Gelita)	Phẫu thuật cắt trĩ búi (chưa bao gồm bông cầm máu Gelita, máy cắt nổi tự động, băng đạn, dao siêu âm)	Loại 2
63	266	Phẫu thuật dẫn lưu thận	Phẫu thuật dẫn lưu thận (chưa có vật tư Monojii)	Loại 2
64	232	Phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn lưng	Phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn lưng (chưa có Guidewide)	Loại 2
65	275	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương mác (chưa bao gồm nẹp, vít) thêm đinh	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương mác (chưa bao gồm đinh, nẹp, vít)	Loại 2
66	234	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy xương cẳng chân	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy xương cẳng chân (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 2
67	248	Phẫu thuật xương quay	Phẫu thuật xương quay (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 2
68	326	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương chêm	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương chêm (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 2
69	335	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn, ngón tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn, ngón tay (chưa tính đinh, nẹp, vít, chỉ thép)	Loại 2



Phụ lục II

TÊN 05 DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG QUYẾT ĐỊNH 79/2013/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Quyết định số 13 /2015/QĐ-UBND ngày 09 /6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	STT trong QĐ 79	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 79/2013/QĐ-UBND	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được sửa đổi, bổ sung	Phân loại phẫu thuật thủ thuật
CÁC DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG QUYẾT ĐỊNH 79/2013/QĐ-UBND				
I. Phẫu thuật loại 1				
1	38	Cắt nối niệu quản	Cắt nối niệu quản (chưa có Guidewire)	Loại 1
2	44	Phẫu thuật nội soi cắt polype niệu quản, niệu đạo, bàng quang	Phẫu thuật nội soi cắt polype niệu quản, niệu đạo, bàng quang (chưa có Guidewire)	Loại 1
3	75	Lấy sỏi bàng quang	Lấy sỏi bàng quang (chưa có rọ lấy sỏi)	Loại 1
II. Thủ thuật loại 2				
4	124	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (chưa có Guidewire)	Thủ thuật
III. Thủ thuật loại 3				
5	127	Dẫn lưu thận, NQ, BQ	Dẫn lưu thận, NQ, BQ (chưa có Monojii)	Thủ thuật



Phụ lục III

**BỘ SƯNG MỤC GIÁ MỘT SỐ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH CỦA NHÀ NƯỚC THUỘC NGÀNH Y TẾ TỈNH DỒNG NAI**
(Bổ sung theo Quyết định số 13 /2015/QĐ-UBND ngày 09 /6/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Mức giá (Đồng)
CÁC LOẠI PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT (mục C4 của TTLT 04/2012/TTLT-BYT-BTC)		
	Phẫu thuật loại 1	
1	Chụp và nút mạch điều trị ung thư gan (TACE)	5.448.000
2	Chụp và can thiệp động mạch vành dưới DSA	4.611.000
3	Phẫu thuật nội soi gỡ dính- hút rửa màng phổi trong bệnh lý mù màng phổi	3.815.000
	Phẫu thuật loại 2	
4	Phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	1.044.000
5	Áp xe thành bụng	1.044.000
6	Phẫu thuật khâu nối gân duỗi (1 gân)	409.000
7	Phẫu thuật khâu nối gân gấp ở chân (1 gân)	409.000
	Phẫu thuật loại 3	
8	Khối máu tụ trong cơ thẳng bụng	942.000
	Thủ thuật loại 1	
9	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	84.000
10	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm máu	1.050.000
11	Nội soi can thiệp - tiêm Histoacryl búi giãn tĩnh mạch phình vị	166.000
12	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản	208.000
13	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	585.000
	Thủ thuật loại 2	
14	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	56.000
15	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo	109.000
16	Cấy que tránh thai (chưa bao gồm que cấy tránh thai)	137.000
17	Làm lại thành âm đạo tăng sinh mô(khâu thẩm mỹ tăng sinh mô, âm đạo)	247.000
	Thủ thuật loại 3	
18	U vàng 1 bên	67.000
19	U vàng 2 bên	105.000
20	Đôi môi 1 tổn thương	51.000
21	U mềm lây 1 tổn thương	44.000
	Xét nghiệm	
22	XN Double test (sàng lọc thai kỳ 3 tháng đầu)	380.000

STT	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Mức giá (Đồng)
23	XN Triple-test (sàng lọc thai kỳ tháng 4-6)	383.000
24	XN Dengue Duo	193.000
25	Định tính amphetamine (test nhanh ma túy)	29.000
26	Đo hoạt độ ACP (phosphatase acid)	44.000
27	Định tính (THC) test nhanh	27.000
28	Định tính amphetamine (test nhanh Morphin, THC, MET, MDMA)	93.000
29	Soi tươi tìm nấm	20.000
30	Chlamidia trachomatic bằng test nhanh	95.000